

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN D
TỈNH B

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 44/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 20-6-2025

V/v ly hôn, tranh chấp về
nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D, TỈNH B

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Xuân N.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Quang M

2. Bà Nguyễn Thị T

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Ngọc T – Thư ký Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh B.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh B tham gia phiên tòa:**
Bà Nguyễn Thị Thanh B – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 289/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/5/2025; Quyết định hoãn phiên tòa xét xử số 25/2025/QĐST-HNGĐ ngày 02/6/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1989; hộ khẩu thường trú: Ấp H, xã Đ, huyện D, tỉnh B.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1983; hộ khẩu thường trú: Ấp Đ, xã A, huyện D, tỉnh B; Tạm trú: Ấp Đ, xã Đ, huyện D, tỉnh B.

- Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1959; hộ khẩu thường trú: Ấp H, xã Đ, huyện D, tỉnh B.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T có mặt.

Bị đơn ông Nguyễn Văn Q được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không lý do.

Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị C có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo Đơn xin ly hôn ngày 16 tháng 7 năm 2024, quá trình tố tụng giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày:***

Trước đây năm 2008 đến năm 2014 thì bà Nguyễn Thị Thanh T đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Ấp Đ, xã A, huyện D, tỉnh B. Đến năm 2015 thì đăng ký tạm trú tại ấp Đ, xã Đ, huyện D, tỉnh B. Năm 2025 về chung sống cùng hộ khẩu với mẹ ruột của mình là bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1959; ngụ tại: Ấp H, xã Đ, huyện D, tỉnh B. Bà Nguyễn Thị Thanh T làm công việc nội trợ và bán bánh tiêu tại nhà bà Nguyễn Thị C. Mức thu nhập hàng tháng khoảng 3.000.000 đồng. Ngoài thu thập trên thì bà T không còn thu nhập gì khác. Hiện nay không có ai sống phụ thuộc đối với bà Nguyễn Thị Thanh T.

Quá trình chung sống giữa ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị Thanh T thì hai bên tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2008 có tổ chức lễ cưới nhưng đến ngày 09/5/2013 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện D, tỉnh B. Từ năm 2008 thì hai vợ chồng chung sống được thời gian 03 tháng với cha mẹ chồng tên Đỗ Thị S và ông Nguyễn Văn Th tại ấp Đ, xã A, huyện D, tỉnh B. Sau đó, hai vợ chồng về nhà mới xây dựng của ông Nguyễn Văn Q tọa lạc tại ấp Đ, xã Đ, huyện D, tỉnh B sinh sống đến khi hai bên phát sinh mâu thuẫn. Trong quá trình chung sống có 02 con chung tên Nguyễn Đức T, sinh ngày 07/02/2010 và Nguyễn Đức P, sinh ngày 27/9/2012. Hiện tại 02 người con chung đang do bà T chăm sóc, nuôi dưỡng. Hiện tại cháu Nguyễn Đức T học lớp 9 trường Trung học cơ sở N, còn cháu Nguyễn Đức P học lớp 7 trường Trung học cơ sở N.

Từ tháng 10 năm 2024 đến nay hai bên không còn chung sống với nhau nữa vì hai vợ chồng không còn tình cảm với nhau, sống không có hạnh phúc nên hai bên đã ly thân nhau. Hai bên phát sinh mâu thuẫn từ năm 2021 với lý do ông Q không chăm lo cuộc sống gia đình, chỉ quyết định mọi sự việc mang tính cá nhân, không tôn trọng ý kiến của bà T nên bà T bỏ về nhà mẹ của mình sinh sống nhưng do ông Q năn nỉ và hứa sẽ sửa chữa sai sót này. Vì vậy, bà T đã quay về tiếp tục chung sống với ông Q nhưng sau đó ông Q không có sự thay đổi tính tình nên bà T làm đơn ly hôn với ông Q.

Trước đây phía ông Q có hành vi bạo lực gia đình 02 đến 03 lần đối với bà T nhưng chỉ làm xây sát trầy tay bà T không có thương tích gì, sự việc này phía bà Nguyễn Thị C có chứng kiến. Trong quá trình chung sống với nhau ông Q hoàn toàn không có quan tâm gì đến gia đình, đối với chi phí ăn học của 02 người con thì chỉ khi 02 người con hỏi xin tiền đóng học phí, học thêm môn thì ông Q mới cho con.

Hiện tại ông Q làm nghề sửa xe và làm nghề kinh doanh các công việc khác nên không xác định được thu nhập bao nhiêu. Sự việc bà T ly thân và về nhà của bà Nguyễn Thị C sinh sống thì ông Q không có hành vi ngăn cản gì và không có thăm hỏi 02 người con chung như thế nào. Tại phiên tòa bà T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Q; còn về con chung thì bà T yêu cầu nuôi dưỡng cháu

Nguyễn Đức T và đồng ý giao cháu Nguyễn Đức P cho ông Q chăm sóc, nuôi dưỡng. Không bên nào có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, nguyên đơn không có yêu cầu, tranh chấp gì khác.

**** Bị đơn ông Nguyễn Văn Q thể hiện:***

Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án nhân dân huyện D đã tiến hành các thủ tục tố tụng như tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự để bị đơn ông Nguyễn Văn Q biết để tham gia giải quyết vụ án nhưng ông Nguyễn Văn Q vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án không thu thập được ý kiến của bị đơn.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 20/3/2025, người làm chứng (bà Nguyễn Thị C) trình bày:

Hiện nay bà Nguyễn Thị C đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Ấp H, xã Đ, huyện D, tỉnh B. Trước đây bà C công nhân cao mủ cao su của Nông trường cao su Đ - Công ty TNHH MTV cao su D đến năm 2010 thì nghỉ hưu cho đến nay.

Bà Nguyễn Thị C và ông Nguyễn Thành T (chết năm 2022) quan hệ là vợ chồng. Trong quá trình chung sống có 02 người con chung tên: Nguyễn Thành H, sinh năm 1979; bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1989. Hiện nay chỉ có Nguyễn Thị Thanh T đang chung sống với bà Nguyễn Thị C, còn ông Nguyễn Thành H đã lập gia đình ra ở riêng.

Giữa bà C và ông Nguyễn Văn Q không có mâu thuẫn gì. Trong quá trình hai vợ chồng ông Q và bà T phát sinh mâu thuẫn gia từ năm 2021 với lý do ông Q không chăm lo cuộc sống gia đình, chỉ quyết định mọi sự việc mang tính cá nhân, không tôn trọng ý kiến của bà T nên bà T bỏ về nhà bà Nguyễn Thị C sinh sống nhưng do ông Q năn nỉ và hứa sẽ sửa chữa sai sót này. Vì vậy, bà T đã quay về tiếp tục chung sống với ông Q nhưng sau đó ông Q không có sự thay đổi tính tình nên bà T làm đơn ly hôn với ông Q. Trước đây phía ông Q có hành vi bạo lực gia đình 02 đến 03 lần đối với bà T nhưng chỉ làm xây sát trái tay bà T không có thương tích gì, sự việc này phía bà Nguyễn Thị C có chứng kiến nhưng không có làm đơn báo chính quyền địa phương xử lý.

Trong quá trình chung sống với nhau ông Q hoàn toàn không có quan tâm gì đến gia đình, đối với chi phí ăn học của 02 người con thì chỉ khi 02 người con hỏi xin tiền đóng học phí, học thêm môn thì ông Q mới cho con. Việc thăm nom, chăm sóc con chung đối với bà T thì phía ông Q hoàn toàn không có ngăn cản gì.

**** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:***

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng đầy đủ, đúng trình tự thủ tục cho đương sự.

- Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ, nhận thấy:

Theo lời trình bày của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T: Hai bên đã không còn chung sống với nhau từ tháng 10/2024 do tình cảm vợ chồng bất đồng, không còn hạnh phúc, có nhiều mâu thuẫn không thể hòa giải được, cuộc sống hôn nhân tẻ nhạt và mệt mỏi, bà T đã về nhà mẹ đẻ từ thời gian này. Trong quá trình chung sống, ông Nguyễn Văn Q có hành vi bạo lực gia đình 02-03 lần, nhưng chỉ làm trầy tay chứ chưa có thương tích, việc này có bà Nguyễn Thị C (mẹ ruột bà T) chứng kiến. Ông Q cũng không quan tâm gì đến gia đình, chỉ khi 02 con hỏi tiền học phí và học thêm thì mới đưa. Hai bên đã phát sinh mâu thuẫn từ 2021, ông Quý không quan tâm tới gia đình mà chỉ đưa ra quyết định mang tính cá nhân, không tôn trọng ý kiến của bà T nên đã bỏ về nhà mẹ đẻ. Nhưng do ông Q nài nỉ, hứa sẽ thay đổi nên bà tiếp tục quay lại chung sống với ông Q nhưng không có sự thay đổi. Công việc của bà T là nội trợ và bán bánh tiêu, thu nhập 3.000.000 (ba triệu) đồng/tháng. Công việc của ông Q là sửa xe và kinh doanh các công việc khác nên bà không xác định được thu nhập. Hiện 02 con chung đang được bà Nguyễn Thị C chăm sóc, nuôi dưỡng. Nay bà T khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Văn Q. Bà yêu cầu nuôi con chung tên Nguyễn Đức T, sinh ngày 07/2/2010, giao con chung tên Nguyễn Đức P, sinh ngày 27/9/2012 cho ông Nguyễn Văn Q nuôi dưỡng, không bên nào cấp dưỡng nuôi con.

Nguyện vọng của cháu Nguyễn Đức P, sinh ngày 27/9/2012 là được ở với cha là ông Nguyễn Văn Q. Nguyện vọng của cháu Nguyễn Đức T là được ở với mẹ là bà Nguyễn Thị Thanh T.

Theo lời trình bày của người làm chứng bà Nguyễn Thị C: Bà đồng ý với lời trình bày của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T. Bà có chứng kiến ông Nguyễn Văn Q có hành vi bạo lực với bà Nguyễn Thị Thanh T nhưng không báo chính quyền xử lý.

Tại phiên hòa giải ngày 18/9/2024, bà Nguyễn Thị Thanh T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Như vậy, quan hệ hôn nhân của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T và bị đơn ông Nguyễn Văn Q đã không còn hạnh phúc, có nhiều mâu thuẫn không thể hòa giải được, bạo lực gia đình, mục đích của hôn nhân không đạt được (không thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau; bỏ mặc nhau, không có tình nghĩa vợ chồng).

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T:

Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Văn Q.

Về con chung: Giao bà Nguyễn Thị Thanh T nuôi con chung tên Nguyễn Đức T, sinh ngày 07/2/2010. Giao con chung tên Nguyễn Đức P, sinh ngày 27/9/2012 cho ông Nguyễn Văn Q nuôi dưỡng, không bên nào cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bà Nguyễn Thị Thanh T khởi kiện ông Nguyễn Văn Q về việc ly hôn. Ông Nguyễn Văn Q có đăng ký tạm trú tại ấp Đ, xã Đ, huyện D, tỉnh B. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh B.

[1.2] Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T có mặt, bị đơn ông Nguyễn Văn Q được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do đó, căn cứ quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án:

Quá trình chung sống giữa ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị Thanh T thì hai bên tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2008 có tổ chức lễ cưới nhưng đến ngày 09/5/2013 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện D, tỉnh B. Hai bên phát sinh mâu thuẫn từ năm 2021 với lý do ông Q không chăm lo cuộc sống gia đình, chỉ quyết định mọi sự việc mang tính cá nhân, không tôn trọng ý kiến của bà T nên bà T bỏ về nhà mẹ của mình là bà Nguyễn Thị C sinh sống nhưng do ông Q năn nỉ và hứa sẽ sửa chữa sai sót này. Vì vậy, bà T đã quay về tiếp tục chung sống với ông Q nhưng sau đó ông Q không có sự thay đổi tính tình. Từ tháng 10 năm 2024 đến nay hai bên không còn chung sống với nhau nữa vì hai vợ chồng không còn tình cảm với nhau, sống không có hạnh phúc nên hai bên đã ly thân nhau. Do đó, bà T đã làm đơn ly hôn với ông Q tại Tòa án nhân dân huyện D.

Tại các Điều 19, 21 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 quy định “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc gia đình; chung sống cùng nhau, tôn trọng, giữ gìn và bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín cho nhau*”. Mặc dù trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã thông báo tạo điều kiện cho bị đơn ông Nguyễn Văn Q hòa giải, đoàn tụ với nhau nhưng bị đơn đều vắng mặt không có lý do, điều này chứng minh ông Nguyễn Văn Q không muốn đoàn tụ gia đình cùng chung sống với nguyên đơn. Đồng thời, tại biên bản xác minh ngày 13/5/2025 của Tòa án đối với chính quyền ấp Đ, xã Đ xác định nội dung mâu thuẫn giữa các đương sự đã xảy ra nhiều năm nay với lý do cãi nhau về mặt kinh tế và việc ông Q toàn quyền quyết định mọi vấn đề chi tiêu sinh hoạt hằng ngày của gia đình, các nội dung quyết định khác thì bà T phải hỏi ý kiến của ông Q, đây cũng là nguyên nhân dẫn đến việc hai vợ chồng đã ly thân nhau và lý do bà T ly hôn với ông Q. Xét tình trạng hôn nhân gia đình của các đương sự không thể tiếp tục hàn gắn với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của bà T đối với ông Q là có căn cứ, phù hợp với các quy

định tại Điều 51, 53, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Trong quá trình chung sống, có 02 người con chung tên Nguyễn Đức T, sinh ngày 07/02/2010; Nguyễn Đức P, sinh ngày 27/9/2012 và đang do bà T chăm sóc, nuôi dưỡng. Hiện tại cháu Nguyễn Đức T học lớp 9, còn cháu Nguyễn Đức P học lớp 7 cùng trường Trung học cơ sở N. Tại bản tự khai ngày 22/11/2024, cháu Nguyễn Đức T có nguyện vọng được chung sống với mẹ, còn cháu Nguyễn Đức P mong muốn được ở chung với ông Nguyễn Văn Q, nếu ba mẹ yêu cầu giải quyết ly hôn. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi và tôn trọng ý kiến của hai con chung nên việc chăm sóc, nuôi dưỡng nên cần tiếp tục giao con chung Nguyễn Đức T cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng, còn ông Q chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Đức P là phù hợp. Hai bên không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thanh T không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D về thủ tục tố tụng và nội dung vụ án là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 228, 235, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 19, 21, 51, 53, 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 3, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh T đối với ông Nguyễn Văn Q về việc “Ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con”.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh T ly hôn với ông Nguyễn Văn Q.

- Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Đức T, sinh ngày 07/02/2010 cho bà Nguyễn Thị Thanh T chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Văn Q chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Đức P, sinh ngày 27/9/2012. Hai bên không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn thì bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Nguyễn Văn Q được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

- Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không tranh chấp nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) và được khấu trừ vào 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000454 ngày 23 tháng 9 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh B.

3. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 20/6/2025).

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện D;
- CC THA DS huyện D;
- UBND xã A, huyện D, tỉnh B (Giấy CNKH số 26, quyền số 01/2013 ngày 09/5/2013);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Xuân N